



HIỆP HỘI LƯƠNG THỰC VIỆT NAM

62 Nguyễn Thị Thập, Khu Dân Cư Him Lam,
Phường Tân Hưng, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84.28 6298 3497 – 6298 3498
Fax: +84.28 6298 3490
Website: www.vietfood.org.vn Email: info@vietfood.org.vn

Tp, Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 01 năm 2023

BẢN TIN SỐ 1387

(Lưu hành nội bộ)

BẢN TIN TRONG TUẦN

(Từ ngày 06/01/2023 đến ngày 12/01/2023)

A/ THI TRƯỜNG GAO THẾ GIỚI:

I. GIÁ GAO TRONG TUẦN: (Nguồn Oryza.com)

Bảng giá gạo thế giới: (USD/MT, FOB)

QUỐC GIA	CHẤT LƯỢNG	06 - 01		09 - 01		10 - 01		11 - 01	
		min	max	min	max	min	min	max	min
THÁI LAN	Gạo trắng 100% B	495	499	502	506	502	495	499	502
	5% tấm	485	489	492	496	492	485	489	492
	25% tấm	467	471	478	482	478	467	471	478
	Hom Mali 92%	828	832	863	867	863	828	832	863
	Gạo đỏ 100% Stxd	488	492	495	499	498	488	492	495
	A1 Super	440	444	455	459	458	440	444	455
VIỆT NAM	5% tấm	458	462	458	462	458	458	462	458
	25% tấm	438	442	438	442	438	438	442	438
	Jasmine	528	532	528	532	528	528	532	528
	100% tấm	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
ẤN ĐỘ	5% tấm	393	397	398	402	398	393	397	398
	25% tấm	378	382	383	387	383	378	382	383
	Gạo đỏ 5% Stxd	373	377	373	377	373	373	377	373
	100% tấm Stxd	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a	n/a
PAKISTAN	5% tấm	458	462	498	502	498	458	462	498
	25% tấm	437	441	478	482	478	437	441	478
	100% tấm Stxd	428	432	488	492	488	428	432	488
MIỀN ĐIỆN	5% tấm	438	442	443	447	443	438	442	443
MỸ	4% tấm	700	704	700	704	706	700	704	700
	15% tấm (Sacked)	698	702	698	702	688	698	702	698
	Gạo đỏ 4% tấm	773	777	773	777	781	773	777	773
	Calrose 4%	1658	1662	1658	1662	1686	1658	1662	1658

II. CÁC NƯỚC NHẬP KHẨU:

Bangladesh:

****Nhập khẩu gạo từ Ấn Độ***

Ngày 12/01/2023

(Nguồn Oryza.com)

Bangladesh đã quyết định mua 300.000 tấn gạo đỏ từ Ấn Độ, Prothomalo đưa tin.

Bộ Lương thực thông báo sẽ nhập khẩu 200.000 tấn gạo trực tiếp từ Chính phủ Ấn Độ trong một giao dịch G2G. 100.000 tấn còn lại sẽ được nhập khẩu thông qua đấu thầu nhập khẩu gạo toàn cầu.

Bộ đã bắt đầu quá trình nhập khẩu từ Ấn Độ. Chính phủ Bangladesh đang nhập khẩu gạo từ hai công ty do Chính phủ điều hành của Ấn Độ với giá khoảng 433,6 USD/tấn và 436,5 USD/tấn. Tuy nhiên, giá được cho là cao hơn so với giá chào bán của các công ty tư nhân ở mức 393 USD/tấn và 397 USD/tấn.

Hàn Quốc:

****Có kế hoạch phát triển "Vành đai lúa gạo" ở châu Phi***

Ngày 12/01/2023

(Nguồn Oryza.com)

Chính phủ Hàn Quốc đang lên kế hoạch phát triển "vành đai gạo K" ở Châu Phi như một phần của chương trình phát triển nông nghiệp ở nước ngoài, Yonhap News đưa tin. Sự phát triển là để giúp nông dân trong lục địa tăng cường năng lực sản xuất lúa gạo.

Chính phủ Hàn Quốc đã quyết định tăng gấp đôi ngân sách hàng năm cho các khoản tài trợ phát triển ở nước ngoài trong lĩnh vực nông nghiệp lên 500 tỷ won (khoảng 401,4 triệu USD) vào năm 2027, theo Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA).

Chính phủ đã phê duyệt kế hoạch tăng ngân sách hàng năm cho các khoản hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) từ khoảng 246,7 tỷ won (khoảng 198 triệu USD) vào năm 2021. MAFRA lưu ý rằng các khoản tài trợ này sẽ được sử dụng để hỗ trợ nền nông nghiệp của quốc gia nhận tài trợ sản xuất lúa gạo và các loại cây trồng khác. Nó cũng sẽ được sử dụng để phát triển kinh tế nông thôn của họ.

Bộ này cho biết Chính phủ Hàn Quốc cũng đang có kế hoạch "xây dựng các trang trại thông minh và thiết lập các hệ thống tiên tiến để quản lý nông nghiệp và quản lý thống kê ở các quốc gia châu Á".

Liberia:

***Đình chỉ thuế nhập khẩu gạo**

Ngày 10/01/2023

(Nguồn Oryza.com)

Chính phủ Liberia đã đình chỉ thuế nhập khẩu gạo theo Sắc lệnh số 113, theo báo cáo của All Africa Global Media.

Quyết định được đưa ra sau khi Sắc lệnh hành pháp số 105 hết hạn và cam kết của Chính phủ trong việc duy trì giá của một số mặt hàng cơ bản ở mức phải chăng.

"Do đó, giờ đây, chính phủ Liberia với mong muốn tiếp tục mang lại sự hỗ trợ cho công chúng bằng cách ban hành Sắc lệnh hành pháp số 113 này, đình chỉ thuế nhập khẩu đối với gạo được phân loại theo mức thuế số 1005.30.00 (trong bao bì hơn 5kg hoặc lớn hơn); 1006.30.00 (đóng gói ít nhất 5kg); và 1006.40.00 (gạo tấm) theo Đạo luật Bộ luật Doanh thu của Liberia có hiệu lực ngay lập tức," Tổng thống nói với các phóng viên.

Tổng thống cũng nói thêm rằng chính phủ đã thấy cần phải kiềm chế "giá gạo liên tục tăng, để người dân có thể mua được".

Philippines:

***Cập nhật Biểu thuế nhập khẩu gạo**

Ngày 06/01/2023

(Nguồn Oryza.com)

USDA đưa tin Tổng thống Philippines đã ký Sắc lệnh 10 kéo dài thời gian giảm thuế nhập khẩu gạo cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Lệnh nêu rõ rằng tất cả các mặt hàng nhập khẩu gạo, thịt lợn, ngô và than sẽ phải chịu mức thuế suất Tối huệ quốc (MFN) cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Đối với mặt hàng gạo, mức thuế sẽ giữ nguyên ở mức 35% đối với cả nhập khẩu trong và ngoài hạn ngạch.

Sắc lệnh hành pháp hiện tại là phần mở rộng cắt giảm thuế quan do Tổng thống khi đó ra lệnh vào tháng 5 năm 2022.

Iran:

***Cấm nhập khẩu gạo**

Ngày 06/01/2023

(Nguồn Oryza.com)

Iran đã cấm tất cả hoạt động nhập khẩu gạo kể từ tháng 11 năm 2022 và không loại gạo nào được phép thông quan, tin dẫn lời người đứng đầu Hiệp hội các nhà nhập khẩu gạo của Iran.

Cổng thông tin của Phòng Thương mại, Công nghiệp, Mỏ và Nông nghiệp Iran dẫn lời các quan chức cho biết việc cấm nhập khẩu gạo là một phần trong nỗ lực của Chính phủ nhằm cân bằng thương mại song phương.

Ông nói rõ rằng việc nhập khẩu gạo từ tất cả các nước đều bị cấm. Trước đó đã có thông tin rằng gạo nhập khẩu từ Ấn Độ đã bị cấm.

Tuy nhiên, các quan chức lo ngại rằng quyết định của Chính phủ có thể dẫn đến tình trạng thiếu gạo tại thị trường nội địa do sản xuất trong nước không đủ đáp ứng nhu cầu.

II. CÁC NƯỚC XUẤT KHẨU:

Thái Lan:

Giá chào gạo trắng các loại kết thúc tuần tăng nhẹ do đồng baht Thái mạnh và Iraq, Indonesia tiếp tục là hai nhân tố chính hỗ trợ cho nguồn cung này. Các thương nhân xuất khẩu gạo Thái trong tuần qua cũng thận trọng hơn khi hạn chế chào giá mới do lo sợ tình trạng bất ổn tiền tệ tiếp diễn và giá nội địa tăng cao. Tương tự đối với mặt hàng gạo thơm, giá chào gạo Hom Mali tuần qua ghi nhận khuynh hướng tăng do lo ngại thị trường tiền tệ bất ổn và nhu cầu trong nước sôi động cũng là nhân tố góp phần hỗ trợ cho phân khúc này.

Ấn Độ:

Giá chào tuần qua khá vững do nguồn cung trong nước giảm khi chính phủ hạn chế bán ra tồn kho và đồng rupee tăng mạnh so với đồng USD. Tuy nhiên, một số thương nhân nhận định giá sẽ giảm trong thời gian tới do thiếu vắng nhu cầu mới.

Pakistan:

Giá gạo nội địa kết thúc tuần thấp hơn do nguồn cung lúa mì dồi dào trở lại và giá chào gạo trắng các loại cũng giảm theo. Tuy nhiên, các nhà nhập khẩu gạo vẫn đang chờ đợi các mức giá thấp hơn. Riêng phân khúc gạo basmati tiếp tục đà tăng giá của tuần trước đó do mặt bằng giá trong nước cao hơn cùng với lo ngại nguồn cung sụt giảm.

Miến Điện:

Không ghi nhận nhiều nhu cầu mới trong tuần qua do giá chào hiện vẫn duy trì ở mức cao dù vụ thu hoạch đã bắt đầu. Nguồn cung này đang kỳ vọng thị trường sẽ sôi động hơn sau ngày 8/1/2023, thời điểm Trung Quốc chính thức mở cửa. Riêng mặt hàng gạo tám trắng vẫn tiếp tục nhận được hỗ trợ từ các khách hàng truyền thống khu vực châu Âu.

IV. TỶ GIÁ NGOẠI TỆ MỘT SỐ NƯỚC:

Ngoại tệ	Ngày 06/01	Ngày 09/01	Ngày 10/01	Ngày 11/01
Trung Quốc (CNY/USD)	6.84	6.77	6.78	6.77
Châu Âu (EUR/USD)	0.94	0.93	0.93	0.93
Indonesia Rupiah (IDR/USD)	15576.24	15560.52	15544.65	15466.33
Malaysia Ringgit (MYR/USD)	4.40	4.39	4.37	4.37
Philippines Peso (PHP/USD)	55.37	54.96	55.13	55.03
Ấn Độ Rupee (INR/USD)	1255.07	1235.41	1245.98	1247.09
Pakistan Rupees (PKR/USD)	132.23	131.58	132.25	132.53
Thái Lan Baht (THB/USD)	82.35	82.11	81.64	81.64
Việt Nam Đồng (VND/USD)	2099.36	2097.53	2097.87	2098.53
Nhật Bản Yen (JPY/USD)	228.10	228.12	228.39	228.39

B/ TÌNH HÌNH SẢN XUẤT VÀ XUẤT KHẨU TRONG NƯỚC:

I. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT TRONG NƯỚC:

1. Tiến độ sản xuất:

Tính đến ngày 12/01/2023, theo số liệu của Cục Trồng trọt – Bộ Nông nghiệp & PTNT, các tỉnh, thành phố vùng ĐBSCL: vụ Mùa 2022 đã xuống giống được 255 ngàn ha/268 ngàn ha, đã thu hoạch được khoảng 208 ngàn ha; vụ Đông Xuân 2022-2023 đã xuống giống được 1,495 ngàn ha/1,580 triệu tấn diện tích kế hoạch, bắt đầu thu hoạch được khoảng 92 ngàn ha.

2. Tình hình và dự báo sâu bệnh tổng hợp trong tuần từ ngày 06.01.2023 đến 12.01.2023:

(Nguồn Cục BVTV, Theo www.ppd.gov.vn)

2.1. Tình hình sinh vật gây hại chủ yếu:

- Bệnh đạo ôn:

+ **Bệnh đạo ôn lá:** Diện tích nhiễm 22.434 ha (tăng 3.205 ha so với kỳ trước, tăng 5.369 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 18.371 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Gia Lai, Long An, Kiên Giang, Bạc Liêu, An Giang, Đồng Tháp, Sóc Trăng.

+ **Bệnh đạo ôn cổ bông:** Diện tích nhiễm 1.163 ha (giảm 2.623 ha so với kỳ trước, giảm 1 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 816 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Cà Mau, Kiên Giang, Vĩnh Long, Đồng Nai,...

- **Rầy hại lúa:** Diện tích nhiễm 4.302 ha (tăng 1.287 ha so với kỳ trước, giảm 1.552 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 1.810 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bạc Liêu, Đồng Tháp, Kiên Giang, Long An, Đồng Nai, Sóc Trăng.

- **Sâu cuốn lá nhỏ:** Diện tích nhiễm 7.297 ha (tăng 2.219 ha so với kỳ trước, tăng 3.443 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 4.349 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Khánh Hoà, Gia Lai, Bạc Liêu, An Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tây Ninh.

- **Sâu đục thân 2 chấm:** Diện tích nhiễm 1.140 ha (giảm 4.293 ha so với kỳ trước, giảm 3.481 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 259 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Khánh Hoà, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Sóc Trăng, Tây Ninh, Đồng Nai, An Giang,...

- **Bệnh bạc lá:** Diện tích nhiễm 5.473 ha (giảm 279 ha so với kỳ trước, tăng 1.669 ha so với CKNT), phòng trừ trong kỳ 5.062 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Đồng Tháp, Long An, Sóc Trăng, Kiên Giang, Tây Ninh, Bạc Liêu.

- **Bệnh đen lép hạt:** Diện tích nhiễm 3.318 ha (giảm 3.330 ha so với kỳ trước, tăng 104 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 2.855 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Sóc Trăng, Kiên Giang, Bạc Liêu, Đồng Tháp, Cà Mau, Hậu Giang.

- **Bệnh khô vằn:** Diện tích nhiễm 133 ha (giảm 326 ha so với kỳ trước, giảm 371 ha so với CKNT), đã phòng trừ trong kỳ 21 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: TP Hồ Chí Minh, Hậu Giang, Đồng Nai.

- **Ốc bươu vàng:** Diện tích nhiễm 6.965 ha (tăng 3.893 ha so với kỳ trước, tăng 4.282 ha so với CKNT), nhiễm nặng 159 ha, đã phòng trừ trong kỳ 5.720 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Vĩnh Phúc, Phú Thọ, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Khánh Hoà, Bình Thuận, Phú Yên, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Bà Rịa Vũng Tàu, Long An, Hậu Giang, Kiên Giang.

- **Chuột:** Diện tích nhiễm 6.247 ha (tăng 575 ha so với kỳ trước, tăng 1.356 ha so với CKNT); nhiễm nặng 49 ha, phòng trừ trong kỳ 1.792 ha. Phân bố chủ yếu ở các tỉnh: Điện Biên, Vĩnh Phúc, Nghệ An, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Quảng Nam, Khánh Hoà, Bình Thuận, Phú Yên, Bình Định, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Vĩnh Long, An Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Long An, Hậu Giang.

- **Bọ trĩ:** Diện tích nhiễm 4.371 ha (tăng 1.450 ha so với kỳ trước, giảm 1.641 ha so với CKNT); phòng trừ trong kỳ 1.714 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Quảng Ngãi, Bình Định, Khánh Hoà, Bình Thuận, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, An Giang, Bạc Liêu, Tây Ninh, Long An, Sóc Trăng, Trà Vinh.

2.2. Dự báo sâu bệnh:

* Trên cây lúa

a) Các tỉnh Bắc Bộ:

- Trên Mạ chiêm xuân: *Rầy nâu, rầy lưng trắng, chuột, bọ trĩ* hại nhẹ trên những diện tích không che phủ nilon; trưởng thành *sâu đục thân 2 chấm* tiếp tục xuất hiện trên mạ xuân sớm giai đoạn 2-4 lá;

- Trên lúa chiêm xuân sớm: *Sâu đục thân 2 chấm, ốc bươu vàng, chuột, tuyến trùng rễ*,... hại tăng trên lúa sạ, mức độ hại phổ biến nhẹ - trung bình, hại nặng cục bộ.

b) Các tỉnh Bắc Trung Bộ

Các đối tượng *ốc bươu vàng, chuột*,... tiếp tục phát sinh và gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình trên Mạ, lúa Đông Xuân mới gieo.

c) Các tỉnh Duyên Hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Đồng bằng: *Sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu và rầy lưng trắng, bệnh đạo ôn*,... tiếp tục gây hại trên lúa Đông Xuân sớm giai đoạn đòng cái – làm đòng, mức độ hại phổ biến từ nhẹ - trung bình. *Bọ trĩ, dòi đục nõn, sâu cuốn lá nhỏ*,... hại nhẹ rải rác trên lúa Đông Xuân đại trà giai đoạn mạ - đẻ nhánh;

Tây Nguyên: Sâu cuốn lá nhỏ, bệnh đạo ôn,... gây hại nhẹ trên lúa Đông Xuân giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng. *Bọ trĩ, ruồi đục nõn, tuyến trùng*,... hại rải rác trên lúa giai đoạn sạ - mạ;

- *Chuột*: Gây hại rải rác trên các trà lúa. Hại mạnh trên các trà lúa giai đoạn đẻ nhánh - làm đòng;

- *Ốc bươu vàng*: Lây lan theo nguồn nước và gia tăng gây hại lúa Đông Xuân muộn giai đoạn sạ - mạ.

d) Các tỉnh Nam Bộ

- *Rầy nâu*: Rầy nâu ngoài đồng có hiện tượng gổi lúa, phổ biến tuổi 1-2, rải rác vẫn có trưởng thành di trú; gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, cục bộ hại nặng;

- *Sâu cuốn lá nhỏ*: gây hại phổ biến ở mức nhẹ – trung bình trên lúa giai đoạn đẻ nhánh – làm đòng, cục bộ có diện tích nhiễm nặng ở các ruộng sạ dày, bón thừa phân đạm và phun thuốc trừ sâu sớm;

Theo Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn quốc gia, thời gian tới trong khu vực, thời tiết về đêm và sáng sớm trời se lạnh, ban ngày âm u, ẩm độ cao sẽ là điều kiện cho *bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt*,... phát triển và lây lan gây hại mạnh, nhất là trên những ruộng gieo trồng giống nhiễm, gieo sạ dày và sử dụng phân bón không hợp lý. Khuyến cáo thăm đồng, theo dõi chặt chẽ các đối tượng sinh vật gây hại này để phòng trừ kịp thời và hiệu quả;

Ngoài ra cần chú ý: *Sâu nâu* (muỗi hành) xuất hiện phổ biến và gây hại trên các trà lúa gieo sạ từ giữa tháng 12/2022; *ốc bươu vàng* gây hại trên trà lúa giai đoạn mạ- đầu đẻ nhánh; trên các trà lúa đang ở giai đoạn đòng – trỗ chín cần chú ý chuột hại.

II. KẾT QUẢ XUẤT KHẨU:

Theo số liệu tổng hợp, lượng xuất khẩu từ ngày 01/12 đến 31/12/2022 đạt 434.611 tấn, trị giá 220,260 triệu USD, so với cùng kỳ về số lượng giảm 12,07% và về trị giá giảm 13,56%. Lũy kế xuất khẩu gạo đến ngày 31/12/2022 đạt 7,106 triệu tấn, trị giá 3,461 tỷ USD, so với cùng kỳ 2022 tăng 14,13% về số lượng và tăng 5,34% về trị giá.

*** Thị trường xuất khẩu tháng 12/2022:**

Thị Trường	Số lượng (tấn)	Trị giá (USD/tấn)	Chiếm (%)
Philippines	216.156	103.044.182	49,74%
Indonesia	50.655	24.776.625	11,66%
China	43.002	23.825.922	9,89%
Malaysia	21.046	9.295.589	4,84%
Turkey	12.330	6.735.456	2,84%
Ghana	10.282	5.491.533	2,37%
Singapore	10.094	5.377.175	2,32%
Hongkong	7.852	4.576.252	1,81%
United Arab Emirates	5.834	3.478.213	1,34%
Australia	3.422	2.329.428	0,79%
Mozambique	3.351	1.719.483	0,77%
Saudi Arabia	2.481	1.501.354	0,57%
Taiwan	1.821	944.594	0,42%
United States of America	1.636	1.228.570	0,38%
Netherlands	1.559	991.435	0,36%
Belgium	1.526	766.614	0,35%
Poland	800	513.216	0,18%
Ivory Coast	769	316.622	0,18%
Tanzania	760	499.500	0,17%
Russia	535	315.525	0,12%
France	358	260.446	0,08%
South Africa	309	210.643	0,07%
Spain	256	165.235	0,06%
Senegal	81	43.986	0,02%
Chile	20	20.509	0,00%
<i>Các nước khác</i>	37.676	21.832.289	8,67%
TỔNG CỘNG	434.611	220.260.396	100,00%

III. BẢNG TÀU ĐANG XẾP HÀNG TẠI CÁC CẢNG:

Từ ngày 01/01 – 12/01/2023 có 19 tàu vào các cảng hàng với số lượng dự kiến 119.900 tấn gạo các loại trong đó, 18 tàu cảng Hồ Chí Minh và 01 tàu cảng Mỹ Thới.

STT	Tên tàu	Cảng xếp hàng	Ngày xếp	Số lượng	Thị trường Xuất khẩu
1	Ijssed Confidence	HCM	16/11/2022	30.000	Cuba
2	Seacom Manila	HCM	25/12/2022	30.000	Cuba
3	Dolphin 15	HCM	26/12/2022	4.800	Philippines
4	Hòa Bình 09	HCM	26/12/2022	6.400	Philippines
5	Hòa Bình 45	HCM	30/12/2022	4.000	Philippines
6	TBC Progress	HCM	30/12/2022	27.000	Châu Phi
7	Quang Minh 5	HCM	02/01/2023	4.800	Philippines
8	Royal 18	Mỹ Thới	02/01/2023	4.000	Philippines
9	Tân An Honesty	HCM	02/01/2023	4.000	Philippines
10	Hải Hà 58	HCM	03/01/2023	3.800	Philippines
11	Tân Long 3	HCM	03/01/2023	4.900	Indonesia
12	Royal 27	HCM	03/01/2023	13.000	Indonesia
13	Tân An 01	HCM	03/01/2023	4.000	Philippines
14	Việt Hà 58	HCM	03/01/2023	3.800	Philippines
15	Việt Hải Star	HCM	03/01/2023	4.000	Philippines
16	VIMC Mighty	HCM	03/01/2023	20.500	Indonesia
17	Hải Bình 16	HCM	05/01/2023	4.000	Philippines
18	Royal 89	HCM	05/01/2023	5.000	Philippines
19	Sunrice 69	HCM	05/01/2023	6.500	Philippines
20	Giang Hải 11	HCM	06/01/2023	4.700	Philippines
21	Mỹ Hưng	HCM	08/01/2023	6.000	Indonesia
22	Long Tân 99	HCM	11/01/2023	4.900	Indonesia
23	Quang Minh 18	HCM	12/01/2023	4.000	Philippines
24	Royal 16	HCM	12/01/2023	5.000	Philippines
25	Vinaship Gold	HCM	12/01/2023	13.000	Indonesia
Tổng				222.100	

IV. GIÁ LÚA/GAO NỘI ĐỊA Ở CÁC TỈNH ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG:

Loại Hàng	Tỉnh Tiền Giang		Tỉnh Long An		Tỉnh Đồng Tháp		Tỉnh Cần Thơ		Tỉnh An Giang		Tỉnh Bạc Liêu		Tỉnh Kiên Giang		Giá cao nhất	Giá BQ
	12/01	+/-	12/01	+/-	12/01	+/-	12/01	+/-	12/01	+/-	12/01	+/-	12/01	+/-		
<u>Lúa Tươi Tại Ruộng</u>																
Hạt dài	6.250	-	6.550	-	6.250	-	6.250	+50	6.600	-			6.800	-250	6.800	6.450
Lúa thường	6.150	-	6.250	-	6.150	+100	6.050	-	6.450	-	6.250	-	6.300	-100	6.450	6.229
<u>Lúa Khô/Ướt Tại Kho</u>																
Hạt dài	7.850	+200	6.650	-	7.650	-200	6.900	-	6.800	-			7.800	-250	7.850	7.275
Lúa thường	7.750	+400	6.550	-	7.350	-300	6.650	-	6.700	-			7.300	-100	7.750	7.050
<u>Gạo Nguyên Liệu</u>																
Lứt loại 1	9.975	-	10.100	+50	10.050	+800	10.025	+100	10.050	-			10.300	-	10.300	10.083
Lứt loại 2	9.175	-	9.100	-100	9.175	+25	9.075	+25	9.125	-	9.150	-	9.100	-	9.175	9.129
Xát trắng loại 1			10.750	-					10.550	-	10.500	-	11.600	+100	11.600	10.850
Xát trắng loại 2			9.850	-200					10.150	-	10.150	-	10.050	-100	10.150	10.050
<u>Phu Phẩm</u>																
Tám 1/2	8.950	-	9.100	-150	8.950	-300	8.500	-200	8.850	-	8.850	-	9.200	-	9.200	8.914
Tám 2/3	8.700	-	8.400	-200	8.750				8.450	-			8.850	+50	8.850	8.630
Tám 3/4	8.250	-200	8.200	-150	8.350	+200									8.350	8.267
Cám xát	7.950	-100	8.175	-75	7.950	-100	8.075	+25	7.900	-	8.050	-	8.350	+100	8.350	8.064
Cám lau	7.950	-100	8.100	-100	7.950	-100	8.075	+25	7.900	-	8.050	-	8.350	+100	8.350	8.054
<u>Gạo TPXK Không Bao Tại Man</u>																
5%	10.250	+150	10.250	-100	10.150	-200	10.175	-	10.400	-	10.300	-	10.200	-100	10.400	10.246
10%			10.200	-100					10.200	-					10.200	10.200
15%	10.050	+250	10.150	-100	9.850	-300			9.900	-	10.000	-	10.050	-100	10.150	10.000
20%			10.100	-100					9.700	-					10.100	9.900
25%	9.850	+350	10.050	-100	9.550	-400			9.600	-	9.750	-	9.800	-100	10.050	9.767
